

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 17-3-2022

“Về việc xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm

Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021; về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022:

*** Nguyên đơn:** **Chị Võ Thị Bích T1**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** **Anh Tô Minh T2**, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Bích T1 trình bày: Nguyên vào năm 2015, chị và anh Tô Minh T2 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu quen biết, kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/8/2015 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp C, xã M1, huyện M. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và trầm trọng, không khắc phục được nên chị đã đem con về cha mẹ ruột tại ấp Đ, xã A, huyện M từ tháng 6/2019 đến nay. Kể từ đó, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Nguyên nhân là do anh T2 sinh tật chơi bời, không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tô Minh T2.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Tô Mỹ H, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng cháu H, về cấp dưỡng nuôi con hiện chị đủ khả năng nuôi con nên chưa yêu cầu .

Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến và biên bản hòa giải ngày 13/10/2021 bị đơn anh Tô Minh T2 trình bày: Anh thừa nhận 02 bên chung sống đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T1 yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Tô Mỹ H, sinh ngày 11/7/2015 hiện đang sống với chị T1, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Bích T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Tô Minh T2 vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tô Minh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 18 tháng 8 năm 2015, chị T1 và anh T2 xây dựng hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống chị T1 trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2019 thì vợ chồng đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và trầm trọng, không khắc phục được nên chị đã đem con về cha mẹ ruột tại ấp Đ, xã A, huyện M từ tháng 6/2019 đến nay. Quá trình giải quyết anh T2 cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2, anh T2 đồng ý. Như vậy xét việc yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh T2 xác định có 01 con chung Tô Mỹ H, sinh ngày 11/7/2015 hiện nay đang sống với chị T1.

Quá trình giải quyết chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu là cháu Tô Mỹ H. Theo chị T1 và anh T2 trình bày thì ai cũng có điều kiện nuôi con nhưng việc giao con cho ai nuôi thì Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh T2 cung cấp chứng

cứ chứng minh về điều kiện nuôi con, nhưng đến nay anh T2 không cung cấp cho Tòa án và cũng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Xét cháu Tô Mỹ H hiện tại do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, đang sinh sống và học tập ổn định cùng với mẹ, chị T1 cung cấp chứng cứ về điều kiện nuôi con, hiện nay có công việc ổn định, mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, đủ để nuôi con là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, nhằm tạo điều kiện cho cháu H phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, tránh làm xáo trộn sự phát triển tâm sinh lý của cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh T2 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T1.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Bích T1 được ly hôn với anh Tô Minh T2.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Tô Mỹ H, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Võ Thị Bích T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4/Về án phí: Chị Võ Thị Bích T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số No 0006850 ngày 19 tháng 4 năm 2021, chị T1 không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã M1;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám